TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 03 tháng 01 năm 2024
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng

Bà Dương Tú Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: *Bà Phạm Thanh Thúy – Kiểm sát viên.*

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1201/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 329 ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT: Số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: số B ngõ C P, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Hồng H về yêu cầu giải quyết tài sản chung: **Chị Phạm Mai H1, sinh năm 1989**

Địa chỉ liên hệ: Tầng B Tòa B ngõ E đường T, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hà Trọng Đ và luật sư Nguyễn Thanh H2 – Công ty L và công sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt luật sư Nguyễn Thanh H2. Vắng mặt luật sư Hà Trọng Đ.

- Bị đơn: **Anh Tạ Doãn H3, sinh năm 1975.**

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Tạ Thị Thanh T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số A ngách E H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và có yêu cầu độc lập

Ông Tạ Doãn K, sinh năm 1943 và **bà Vũ Thị T1**, sinh năm 1945; Cùng cư trú tại: Số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bầy***:

Chị và anh Tạ Doãn H3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, Hà Nội vào ngày 20/9/2006. Sau kết hôn chị H, anh H3 sống tại số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H3 không tôn trọng yêu và yêu thương chị, anh H3 nhiều lần đánh chị, xúc phạm chị, không có sự chia sẻ tình cảm với vợ con, anh H3 không đi làm nên kinh tế trong gia đình chủ yếu do chị lo toan. Mâu thuẫn giữa chị và anh H3 căng thẳng nhất là ngày 30/01/2020, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được nên chị H đã chuyển ra ngoài sống một năm, đến năm 2021 vì thương con và muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm chị đã quay về nhà sống cùng anh H3 nhưng sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, anh H3 cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị xác định vợ chồng không thể sống cùng nhau được nữa do vậy ngày 22/11/2022 chị H đã chuyển ra ngoài sống. Từ đó cho tới nay chị và anh H3 sống ly thân nhau, kinh tế hoàn toàn riêng biệt. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H3.

Về nuôi con chung: Chị H xác nhận chị và anh H3 có 02 con chung là: Tạ Doãn Nhân (N), sinh ngày 07/8/2007 và Tạ Châu K1 (Nữ), sinh ngày 16/3/2012. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H3 cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị H xin nuôi cả hai con chung là vì muốn các con được ở cùng nhau, gắn bó tình cảm, anh H3 luôn có tư tưởng phân biệt giữa con trai, con gái nên sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con. Hơn một năm chị ra ngoài sống anh H3 nuôi con nhưng anh không chăm sóc các con chu đáo, không quan tâm đến việc học của các con nên có ảnh hưởng đến kết quả học tập của các con. Anh H3 làm công việc tự do, sửa chữa quần áo tại nhà ít khách nên không có thu nhập đủ để nuôi dưỡng các con. Thu nhập hiện nay của chị H là 37.000.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu đồng). Trường hợp anh H3 được nuôi hai con chung thì chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản):

- **Động sản**: Chị H khai chị và anh H3 có số tiền tiết kiệm là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) được gửi tại Ngân hàng TMCP V1 – Phòng giao dịch V, phường K, quận T, Hà Nội địa chỉ D V, phường K, quận T, Hà Nội vào khoảng năm 2017 – 2018. Khi đi gửi tiền chị và anh H3 cùng đi gửi nhưng sổ đứng tên anh H3 cho nên sau này anh H3 đã rút số tiền này ra hay chưa thì chị cũng không nắm bắt được. Thời điểm này chị và anh H3 có mâu thuẫn nhưng vẫn chung sống với nhau.

Nguồn gốc số tiền gửi tiết kiệm này phát sinh từ tiền kinh doanh chị và anh H3 sản xuất comple bán. Vợ chồng chị mở cửa hàng kinh doanh comple từ năm 2009. Anh chị mua vải về cắt may rồi thuê xưởng ở P gia công và sau này chị H, anh H3 mang đến các cửa hàng kinh doanh comple để bán cho họ. Chị H khai trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2014 với tổng doanh thu 8.772.530.000 đồng. Tuy nhiên, chị không yêu cầu Tòa án phân chia số tiền này mà chỉ cung cấp cho Tòa án để chứng minh thu nhập của vợ chồng. Thời gian kinh doanh comple chị tham gia trực tiếp cùng anh H3 và vẫn làm việc tại cơ quan nhà nước là Công ty cổ phần C2. Từ năm 2015 việc kinh doanh comple không được lợi nhuận nhiều, bán hàng chậm nên chị để mình anh H3 làm và chị đi làm cho các Công ty.

- Một bộ bàn ghế gỗ trắc tay 10 chị H tạm tính giá trị là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chị và anh H3 về làng nghề sản xuất đồ gỗ mua bộ bàn ghế này sau khi xây xong nhà tại địa chỉ số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội vào năm 2014. Thời điểm mua bộ bàn ghế này với giá 200.000.000 đồng. Nguồn tiền cũng từ tiền kinh doanh sản xuất comple bán của vợ chồng chị. Bộ bàn ghế này đang để tại nhà số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội do anh H3 sử dụng.

- 01 căn nhà bê tông 05 tầng 01 tum xây dựng trên đất tại địa chỉ số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc ngôi nhà trên là do chị và anh H3 xây dựng năm 2014. Đất đã thuộc sở hữu của anh Tạ Doãn H3 và chị Tạ Thanh T được bố mẹ anh H3 cho anh chị từ trước. Khi chị và anh H3 xây dựng nhà bê tông trên đất thì không có trao đổi gì với chị T. Chị cũng không biết bố mẹ anh H3 cho anh H3 và chị T bao nhiêu m2 đất. Chị và anh H3 xây dựng nhà bê tông 05 tầng 01 tum trên diện tích đất khoảng hơn 50m2. Số tiền vợ chồng chị bỏ ra để xây dựng căn nhà là: 1.517.653.200 đồng. Quá trình xây dựng căn nhà do anh H3 đứng ra quán xuyến, anh H3 là người trực tiếp chi trả tiền vật liệu xây dựng, tiền trang thiết bị và tiền công cho thợ. Đến cuối năm 2014 căn nhà được xây dựng xong thì bố mẹ chồng chị, vợ chồng chị cùng 02 con của chị và anh H3 sinh sống tại căn nhà nêu trên. Trước năm 2014 thì bố mẹ anh H3 ở cùng với anh trai cả của anh H3 ở nhà bên cạnh chứ không ở cùng vợ chồng chị. Trước khi xây dựng thành nhà bê tông 5 tầng thì hiện trạng nhà chỉ là 2 tầng và 1 gác lửng. Sau đó, có anh trai anh H3 gia cố thêm 1 tầng 3 (làm tạm). Đến năm 2014, vợ chồng chị xây dựng, sửa chữa nhà trên nền móng cũ, phá đi tầng 3, chồng thêm 3 tầng từ tầng 2 và thêm 1 tầng tum, gia cố thêm móng. Việc này anh H3 là người làm nên chị không có bản vẽ. Khi phá tầng 3 (anh trai anh H3 là anh C) xây thì gia đình đã có thỏa thuận, và anh C ở bên hơn 20m^2 đất. Tiền xây dựng, sửa chữa nhà thêm 3 tầng 1 tum anh H3 là người đứng ra thanh toán, trực tiếp giao dịch với nhà cung cấp và thợ. Tiền sửa chữa là tiền bán comple của 2 vợ chồng. Hai vợ chồng có bàn bạc trao đổi với nhau về việc sửa chữa nhà tuy nhiên chị không nắm rõ vì thời điểm đó chị còn có công việc và con nhỏ cũng như quản lý quán bán complet. Tổng chi phí vợ chồng chị bỏ ra để xây dựng căn

nhà là: 1.517.653.200 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười bẩy triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng). Nguồn tiền là từ việc hai vợ chồng sản xuất và bán comple. Chị không theo dõi được việc một tháng hay một năm thu nhập bao nhiêu, cũng không có hóa đơn cho khách, từ năm 2009 bán khoảng 850.000đồng- 900.000đồng 1 bộ. Sau đó đến năm 2019 khoảng hơn 1.000.000đồng 01 bộ. Việc thu chi cả hai vợ chồng cùng quản lý, chị có sổ sách về việc khách hàng mua hàng. Sổ mua hàng là do chị tự lập để quản lý và sau khi chị trả tiền xong thì chị đã không còn lưu nữa. Ngoài nguồn thu từ việc bán C1 thì chị làm nhân viên bưu điện (làm kiểm soát, kế toán của bưu cục)- lương khoảng 16.000.000 đồng năm 2019 và có khoản thu khác chẳng hạn như phần trăm tiền gửi của khách hàng là khoảng 7.000.000đồng/ một tháng. Ngoài ra hai vợ chồng không còn khoản thu nào khác. Đối với động sản và bất động sản chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi theo quy định của pháp luật.

Về nợ: Chị H khai chị và anh H3 không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của ông K, bà T1 chị H không đồng ý vì chị không đi thuê nhà của ông K, bà T1. Ông bà không cho chị thuê nhà, không ký hợp đồng thuê nhà mà là chị ở cùng chồng chị và các con. Chị ở trong gia đình nhà chồng chị cũng phải có trách nhiệm với bố mẹ chồng. Chị là người đi chợ nấu cơm từ năm 2006 đến năm 2019. Chị nấu cơm buổi trưa, buổi chiều, thức ăn chị làm trưa, chiều, ở nhà thì bố mẹ chồng chỉ phải nấu cơm. Khi bố mẹ chị ốm đau chị đều chăm sóc. Ông K, bà T1 mổ mắt chị đều chăm sóc. Anh H3 đưa tiền cho bà T1 mổ mắt thì cũng là tiền chung của vợ chồng chị.

Về án phí: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2022 và các văn bản tố tụng tiếp theo tại tòa bị đơn anh Tạ Doãn H3 trình bày:

Anh H3 xác nhận thời gian kết hôn chung sống như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, năm 2020 chị H đã tự chuyển ra ngoài sống. Đến tháng 12/2021 anh H3 cho chị H về nhà sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến ngày 22/11/2022 chị H lại chuyển ra ngoài sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không có sự quan tâm đến nhau, kinh tế hoàn toàn riêng biệt. Nay chị H xin ly hôn anh H3 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chỉ còn tình thương đối với chị H. Chị H xin ly hôn anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh H3 xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Từ khi chị H chuyển ra ngoài sống hai con chung vẫn sống cùng anh do anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H xin trực tiếp nuôi hai con chung anh không đồng ý vì tư cách đạo đức chị H không có, chị H có hành vi chửi mắng con. Trường hợp chị H được

nuôi hai con về cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi hai con chung vì anh đủ điều kiện về kinh tế, nơi ở để nuôi dạy các con. Về cấp dưỡng nuôi con anh H3 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Thu nhập hiện nay của anh H3 là từ khoảng 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):

- **Động sản**: Anh H3 khẳng định anh và chị H không có số tiền tiết kiệm trị giá 1.500.000.000đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP V1 – Phòng G; địa chỉ D V, phường K, quận T, Hà Nội như chị H trình bày. Không có việc anh và chị H cùng nhau đi gửi số tiền tiết kiệm này tại ngân hàng.

- Anh H3 khẳng định anh và chị H không có bộ bàn ghế gỗ trắc tay 10 mà bộ bàn ghế này là của bố mẹ anh mua từ trước thời điểm làm nhà nhưng anh không nhớ vào năm nào.

Anh H3 xác nhận anh có kinh doanh sản xuất comple để bán như chị H trình bày từ năm 2009. Tuy nhiên, việc kinh doanh này anh làm là chủ yếu, chị H chỉ thỉnh thoảng giúp anh. Việc kinh doanh này chỉ đủ tiền để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, để lo chi phí học hành cho các con mà không có tiền tiết kiệm cho vợ chồng được.

- **Về bất động sản**: Anh H3 khẳng định căn nhà bê tông 05 tầng 01 tum xây dựng trên đất tại địa chỉ số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội không phải do anh và chị H xây dựng.

Nguồn gốc đất là của bố mẹ anh cho anh và chị T. Diện tích đất cho chung đồng sở hữu hai chị em là 50m2. Thời điểm tặng cho riêng hai chị em là từ năm 2011, đã hoàn tất thủ tục tặng cho và Ủy ban nhân dân quận Đ đã cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Năm 2014, do anh và chị H thường xuyên cãi vã nên bố mẹ anh đã thống nhất để anh trai anh ở riêng và bố mẹ anh đã đứng ra cho chị em anh tiền để xây dựng nhà. Anh khẳng định căn nhà bê tông 05 tầng 01 tum xây dựng trên đất tại địa chỉ số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội không phải do vợ chồng anh xây dựng. Tiền buôn bán Complet không thể đủ tiền xây dựng nhà vì vợ chồng có quá nhiều khoản phải thu chi nên không thể lời ra quá nhiều. Thu nhập buôn bán comple của hai vợ chồng thời điểm đấy chỉ khoảng 7.000.000 - 15.000.000 đồng/tháng để chi tiêu cả sinh hoạt của gia đình. Do vậy, anh H3 không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị H.

Về nợ: Anh H3 xác nhận anh và chị H không có nợ chung.

Về án phí: Anh H3 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông K, bà T1 anh H3 không có ý kiến gì.

**** Tại đơn trình bày ngày 28/3/2023 và các văn bản tố tụng tiếp theo tại tòa người có quyền lợi và nghĩa liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:***

Nguồn gốc đất: Năm 2001 theo chủ trương của thành phố bố mẹ chị là ông K, bà T1 được cấp Giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Trong quá

trình sinh sống, bố chị là Tạ Doãn K và mẹ chị là Vũ Thị T1 có tặng cho cho chị và em trai chị là Tạ Doãn H3 đồng sở hữu Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Năm 2014, bố mẹ chị sửa chữa nâng cấp ngôi nhà bê tông 2 tầng 1 tum xây từ năm 1993 thành 5 tầng 1 tum, toàn bộ chi phí sửa chữa nâng cấp là do bố mẹ chị trả toàn bộ chi phí sửa chữa nhà.

Việc chị H khai việc sửa chữa, xây dựng thêm 3 tầng 1 tum là tiền vợ chồng chị H bỏ ra là không đúng.

Đối với yêu cầu chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng thì chị cho rằng đây là tài sản riêng của chị và em trai chị, chị H không có quyền yêu cầu chia.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 18/4/2023 và các văn bản tố tụng tiếp theo tại tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Tạ Doãn K và bà Vũ Thị T1 trình bày:

Căn nhà bê tông 05 tầng 01 tum xây dựng trên đất tại địa chỉ số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội mà chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là của ông bà bỏ tiền ra xây dựng. Đất đã thuộc sở hữu của anh Tạ Doãn H3 và chị Tạ Thị Thanh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước cấp do ông bà tặng cho hai con.

Ông Tạ Doãn K và bà Vũ Thị T1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng H trả tiền công ông bà đã chăm sóc hai con của chị H, anh H3 là cháu Tạ Doãn N1, sinh năm 2007, cháu Tạ Châu K1, sinh năm 2012 từ khi sinh ra cho đến khi các cháu vào lớp 1 mỗi cháu là 5 năm tương đương 60 tháng, hai cháu tổng cộng là 120 tháng với số tiền: 5.000.000đồng/tháng x 120 tháng = 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và trả tiền đã ở tại nhà đất tại số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội trong thời gian 11 năm 8 tháng quy ra tiền trọ và điện nước với số tiền: 142 tháng x 2.500.000 đồng/tháng = 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

Tổng số tiền ông Tạ Doãn K và bà Vũ Thị T1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho ông bà là: 1.015.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu đồng).

Về án phí: Ông K, bà T1 xin được miễn toàn bộ án phí giải quyết yêu cầu của ông bà vì ông bà là người cao tuổi.

Tại phiên tòa: Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H3, giao cho chị H được nuôi dưỡng hai con chung, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức đóng góp của chị H vào khối tài sản chung của chị H và anh H3 để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về thời hạn giải quyết vụ án vi phạm thời hạn giải

quyết do luật định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn về cơ bản không chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H đối với anh Tạ Doãn H3. Về con chung: Giao hai con chung là Tạ Doãn N1 (giới tính:nam), sinh ngày 07/08/2007 và Tạ Châu K1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 06/03/2012 cho anh Tạ Doãn H3 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung 10.000.000đ/tháng (mỗi cháu 5.000.000đ/tháng). Về tài sản chung: Do tài liệu chứng cứ chị H giao nộp chưa đầy đủ nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu chia tài sản chung của chị H và anh H3. Chị H có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác khi có đầy đủ chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng. Về nợ chung: Anh chị không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông T1 và bà K.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí 300.000đồng ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Ông K và bà T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay ông Tạ Doãn K và bà Nguyễn Thị T3, anh Tạ Doãn H3, chị Tạ Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do chính đáng. Vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là anh Tạ Doãn H3. Anh H3 có nơi cư trú tại số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1].**Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Tạ Doãn H3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết và được UBND phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội chứng nhận kết hôn số 59 ngày 20 tháng 09 năm 2006. Hôn nhân của chị H, anh H3 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh H3 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2007, khi mâu thuẫn xảy ra căng thẳng năm 2020 chị H đã chuyển đi nơi khác sống một năm sau đó lại quay về đoàn tụ vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được

cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh nên ngày 22/11/2022 chị H đã chuyển ra ngoài thuê nhà để ở cho đến nay. Từ đó cho tới nay chị H, anh H3 sống ly thân nhau, hai bên không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kinh tế riêng biệt. Chị H xin ly hôn anh H3, anh H3 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H đối với anh Tạ Doãn H3: Hội đồng xét xử thấy, chị H, anh H3 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được chị H xin ly hôn anh H3 là có căn cứ nên được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2].***Về nuôi con chung*:** Chị H và anh H3 xác nhận có 02 con chung là Tạ Doãn N1 (nam), sinh ngày 07/08/2007 và Tạ Châu K1 (nữ), sinh ngày 06/03/2012. Chị H và anh H3 cùng có nguyện vọng được nuôi 2 con chung, về cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi hai con chung của chị H và anh H3 Hội đồng xét xử thấy: Việc chị H và anh H3 cùng xin được nuôi cả hai con chung thể hiện tinh thần và trách nhiệm của người làm cha làm mẹ đối với con. Xong việc giao con cho ai nuôi phải xét đến điều kiện của cha mẹ có đảm bảo việc nuôi dưỡng các con phát triển toàn diện về mọi mặt, cũng như xét đến nguyện vọng của các con. Xét về điều kiện kinh tế, nơi ở chị H và anh H3 ngang nhau, tuy nhiên từ khi anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, chị H chuyển đi nơi khác sống hai con chung của anh chị do anh H3 trực tiếp nuôi dưỡng, các con có nguyện vọng được ở cùng bố. Để đảm bảo cuộc sống, học tập của các cháu ổn định không bị xáo trộn của các cháu nên giao cho anh H3 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và giành cho chị H quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H trình bày thu nhập của chị 01 tháng khoảng 37.000.000đồng. Bao gồm tiền lương cố định của Công ty CP P 10.000.000đ/tháng, ngoài ra chị H cung cấp hợp đồng dịch vụ làm thêm công tác kế toán chứng minh thu nhập làm thêm nên tổng mức thu nhập bình quân tháng của chị là 37.000.000 đồng nên buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 10.000.000đ/02 cháu (mỗi cháu 5.000.000đồng/01 tháng) là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về tài sản chung**:

Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định chị và anh H3 có tài sản chung là: Sổ tiết kiệm trị giá 1.500.000.000đ *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)* gửi tại ngân hàng TMCP V1-phòng GD Vương Thừa V; 01 bộ bàn ghế gỗ trắc tay có giá là 100.000.000đồng (khi mua là 200.000.000đồng); Giá trị xây dựng căn nhà bê tông 5 tầng là:

1.517.653.200đồng tại số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Còn anh H3 khẳng định anh và chị H không có tài sản chung như chị H khai.

Theo chị H trình bày: Nguồn gốc số tiền tại sổ tiết kiệm trị giá 1.500.000.000đ *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)* gửi tại ngân hàng TMCP V1 - phòng GD Vương Thừa V, tiền mua 01 bộ bàn ghế gỗ trắc và số tiền xây dựng căn nhà bê tông 05 tầng là tiền có được từ việc kinh doanh của chị H và anh H3 sản xuất comple từ năm 2009, anh chị mua vải về cắt may rồi thuê xưởng ở P gia công và sau này mang đến các cửa hàng kinh doanh comple để bán cho họ. Tổng doanh thu từ 2009 - 2019 với tổng doanh thu là 8.772.530.000đồng, tại phiên tòa chị H khai lợi nhuận từ việc kinh doanh may mặc quần áo comple từ năm 2009 đến năm 2014 là 4.635.936.000 đồng. Chị H giao nộp chứng cứ là 06 cuốn sổ theo dõi bán hàng và bản giải trình tổng hợp bán hàng do chị tự lập nhưng không cung cấp được sổ sách chi phí cho việc mua nguyên liệu, chi phí thuê xưởng để gia công, chi phí nhân công, chi phí phục vụ đời sống gia đình. Anh H3 xác nhận có sản xuất bán quần áo comple, công việc anh làm là chính, thu nhập thực tế từ việc bán hàng thời điểm đó chỉ khoảng từ 7.000.000đ -15.000.000đ hàng tháng để chi tiêu sinh hoạt gia đình nên không có tiền để gửi tiết kiệm, mua bàn ghế cũng như xây nhà như chị H khai, tiền sửa nhà thêm lên tầng 5 là của ông kỳ, bà T3 bỏ ra anh chỉ là người được ông K, bà T3 giao cho trông nom quán xuyến việc xây dựng mà thôi.

Phía chị T, ông K, bà T3 có ý kiến**:** Nguồn gốc nhà đất số A ngõ D đường L, quận Đ thuộc quyền sở hữu chung của anh Tạ Doãn H3 và chị Tạ Thị Thanh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD799278 ngày 06/07/2011, có diện tích đất là 50m^2, nhà ở 2 tầng.

Năm 2014, tiến hành sửa chữa nâng lên 5 tầng, quá trình sửa chữa anh H3 là người quán xuyên, ghi chép sổ sách. Về tiền xây dựng nhà chị T, ông K bà T3 cho rằng số tiền bỏ ra xây dựng không phải là tiền của anh H3, chị H. Số tiền sửa chữa nhà là của ông K, bà T3.

Quá trình giải quyết vụ án do chị H không cung cấp được sổ tiết kiệm tiền gửi tại V2- CN Vương Thừa V và có đề nghị Tòa án xác minh về sổ tiết kiệm này. Ngày 22/02/2023, Tòa án đã có Công văn số 593 yêu cầu Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh V3 cung cấp thông tin về sổ tiết kiệm trị giá 1.500.000.000đồng đứng tên anh Tạ Doãn H3 như chị H khai. Ngày 29/3/2023, Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh V3 có Công văn số 103/2023/VPU-CV phúc đáp: "Vào khoảng năm 2016 - năm 2018 anh Tạ Doãn H3 không mở mới sổ tiết kiệm nào có trị giá 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)".

Sau khi có kết quả trả lời của ngân hàng, ngày 06/11/2023 chị H lại có đơn đề nghị Tòa án thu thập tiếp chứng cứ về thời gian anh H3 gửi tiết kiệm từ thời điểm năm 2019 – 2020. Xét thấy việc cung cấp thông tin thuộc về trách nhiệm của

chị H. Chị H khai chị và anh H3 là người cùng đi gửi tiết kiệm nhưng lúc thì chị khai gửi vào khoảng năm 2016 đến 2018 lúc lại khai gửi vào khoảng thời gian từ 2019 đến 2020, chị H không cung cấp được thông tin chính xác số tiền gửi, thời gian gửi. Tòa án cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của chị H nên không thể thu thập chứng cứ tiếp khi việc cung cấp thông tin của chị H không chính xác.

Về nguồn tiền để sửa chữa, xây dựng thành nhà 05 tầng tại số A ngõ D đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội chị H khai là tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh may mặc quần áo nhưng chị H chưa cung cấp được các tài liệu chứng minh cho lợi nhuân trên.

Đối với bộ bàn ghế tay trắc, Tòa án cũng đã tiến hành thẩm định tài sản, tuy nhiên bị đơn, người liên quan không đồng ý cho hội đồng định giá được xem thực tế để định giá, chị H cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh anh chị là người mua bộ bàn ghế nên hội đồng xét xử chưa đủ cơ sở để xác định bộ bàn ghế là tài sản chung của chị H và anh H3.

Từ những phân tích trên. Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị H Hội đồng xét xử thấy: Tài liệu chứng cứ chị H cung cấp chỉ là sổ sách chị H tự ghi không được anh H3 thừa nhận. Chị H mới chỉ xuất trình được các sổ sách do chị tự ghi về số hàng bán ra, không có hóa đơn chứng từ về việc nhập hàng chứng minh chi phí mua nguyên liệu phục vụ sản xuất, chi phí thuê xưởng gia công, chi phí phục vụ đời sống gia đình để xác định thu nhập thực tế có số tiền dôi dư để xây dựng nhà 05 tầng, tiền gửi tiết kiệm và tiền mua bộ bàn ghế tay trắc từ việc sản xuất comple, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị H chưa đầy đủ nên không có đủ căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Chị H có quyền khởi kiện chia tài sản chung trong vụ kiện dân sự khác khi chị H có đầy đủ căn cứ chứng minh và có yêu cầu giải quyết.

[4]. **Về nợ**: Chị H, anh H3 khai vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. **Xét yêu cầu độc lập** của ông Tạ Doãn K và bà Nguyễn Thị T3 Hội đồng xét xử thấy: Ông Tạ Doãn K, bà Nguyễn Thị T3 là người có yêu cầu độc lập vắng mặt lần thứ hai liên tiếp, do vậy căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Tạ Doãn K và bà Nguyễn Thị T3.

[6]. **Về chi phí tố tụng** (thẩm định và định giá tài sản): Do yêu cầu chia tài sản chung của chị H không có căn cứ để xem xét nên toàn bộ chi phí về thẩm định và định giá tài sản chị H phải chịu (đã nộp).

[7]. **Về án phí**: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Do yêu cầu chia tài sản của chị H không có căn cứ để giải quyết nên hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ông Tạ Doãn K và bà Nguyễn Thị T3 là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ông K, bà T3 không phải chịu án phí.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Hồng H có quan điểm phát biểu về chia tài sản của chị H không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H đối với anh Tạ Doãn H3 (chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Tạ Doãn H3).

2. ***Về con chung:*** Xác nhận chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Tạ Doãn H3 có 02 con chung là: Tạ Doãn N1 (giới tính: Nam), sinh ngày 07/08/2007 và Tạ Châu K1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 06/03/2012. Giao hai con chung Tạ Doãn N1 và Tạ Châu K1 cho anh Tạ Doãn H3 trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu K1 và cháu N1 hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng, mỗi cháu là 5.000.000 đồng/ 1 tháng. Việc giao nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăm cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Giành cho chị H quyền yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ kiện dân sự khác khi chị H có đủ căn cứ chứng minh và có yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H, anh H3 khai không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

***5.* Đình chỉ xét xử** đối với yêu cầu độc lập của ông Tạ Doãn K và bà Nguyễn Thị T3.

6. **Về chi phí tố tụng** (thẩm định, định giá tài sản): Chị H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 VNĐ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 VNĐ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071094 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. (chị H đã nộp đủ án phí ly hôn). Chị H còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp). Hoàn trả chị H tiền số 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tạm ứng án phí chia tài sản chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071401 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, chị H1 đại diện theo ủy quyền của chị H và luật sư H2, vắng mặt luật sư Hà Trọng Đ, anh H3, chị T, ông K, bà T3. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh H3, chị T, ông K, bà T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND quận Đống Đa.
- THA quận Đống Đa.
- Đ- ơng sự.
- UBND phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Hường

Nguyễn Hải Phùng **Dương Tú Anh**